



# BẢN TIN PHÁP LUẬT

## THÁNG 02/2023



NTB  
LEGAL



72C Nguyễn Khang, Yên  
Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội



024.2322.5888  
0943.996.589



<http://ntblegal.vn/>

## MỤC LỤC

<b>CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC</b> .....	1
1. 51 dịch vụ công trực tuyến toàn trình về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp .....	1
2. Từ 01/01/2023, thêm 4 Luật mới có hiệu lực .....	4
3. Lệ phí đăng ký thường trú, tạm trú từ ngày 05/02/2023.....	4
4. Quy định về thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án .....	4
5. Bổ sung trường hợp TCTD không phải đáp ứng tỷ lệ nợ xấu dưới 3% khi mua nợ .....	5
6. Nghị quyết 7/NQ-CP: Giảm 30% tiền thuê đất của năm 2022 do ảnh hưởng Covid-19.....	6
7. Nghị quyết 06 hỗ trợ tới 3 triệu cho người lao động mất việc, giảm giờ làm .....	7
<b>GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT</b> .....	9
1. Cách đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng năm 2023 .....	9
2. Mức phạt nồng độ cồn khi lái xe năm 2023? .....	10
3. Cách tính tiền dưỡng sức sau sinh năm 2023? .....	12
4. Như thế nào là hành vi bạo lực gia đình theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022.....	13
5. Giảm trừ gia cảnh là gì? Mức giảm trừ gia cảnh năm 2023? .....	15
6. Tham nhũng trong doanh nghiệp là gì? Biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp.	17
<b>ĐIỂM TIN HOẠT ĐỘNG</b> .....	17
<b>VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 02/2023</b> .....	211

## CÁC CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT MỚI CÓ HIỆU LỰC

### 1. 51 dịch vụ công trực tuyến toàn trình về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp



Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định 2314/QĐ-BKHĐT ngày 23/12/2022 công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

#### Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp

Cụ thể tại Phần III Mục A Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định 2314/QĐ-BKHĐT, các dịch vụ công trực tuyến toàn trình về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bao gồm:

- (1) Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
- (2) Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
- (3) Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
- (4) Đăng ký thành lập công ty cổ phần
- (5) Đăng ký thành lập công ty hợp danh
- (6) Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

(7) Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

(8) Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh

(9) Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

(10) Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

(11) Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

(12) Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

(13) Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết

(14) Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

(15) Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân

(16) Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết

(17) Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết

(18) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)

(19) Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

(20) Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

**(21)** Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương

**(22)** Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính

**(23)** Thông báo lập địa điểm kinh doanh

**(24)** Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

**(25)** Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn

phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính

**(26)** Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền

**(27)** Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty

**(28)** Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty

**(29)** Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)

**(30)** Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)

**(31)** Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)

**(32)** Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại

**(33)** Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

**(34)** Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

**(35)** Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

**(36)** Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác

(37) Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

(38) Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp

(39) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)

(40) Giải thể doanh nghiệp

(41) Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

(42) Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

(43) Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp

(44) Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường

(45) Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội

(46) Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội

(47) Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

(48) Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh

(49) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán

(50) Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

(51) Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp

### **Một số dịch vụ công trực tuyến toàn trình khác**

#### **\* Lĩnh vực đấu thầu**

- Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu
- Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu
- Đăng ký tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với nhà thầu, nhà đầu tư
- Thay đổi, bổ sung các thông tin của nhà thầu, nhà đầu tư đăng ký tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- Chấm dứt, tạm ngừng tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- Khôi phục tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

**\* Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa:** Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên

Quyết định 2314/QĐ-BKHĐT có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

## 2. Từ 01/01/2023, thêm 4 Luật mới có hiệu lực



Quốc hội thông qua 05 Luật tại kỳ họp Quốc hội thứ 3 Khóa XV, trong đó có 04 Luật chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2023.

Cụ thể, 04 Luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 bao gồm:

- Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022;
- Luật Cảnh sát cơ động 2022;
- Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022;
- Luật Điện ảnh 2022.

Trong đó, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 đã bổ sung thêm 01 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện: “Dịch vụ phụ trợ bảo hiểm” vào Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư 2020.

Đồng thời, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và Luật Điện ảnh 2022 đã sửa đổi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong Danh mục, tại số thứ tự 29 và 192:

- STT 29: Môi giới bảo hiểm; (Hiện hành là Môi giới bảo hiểm, hoạt động phụ trợ bảo hiểm);
- STT 192: Kinh doanh dịch vụ phổ biến phim. (Hiện hành là Kinh doanh dịch vụ phát hành và phổ biến phim).

## 3. Lệ phí đăng ký thường trú, tạm trú từ ngày 05/02/2023

Thông tư 75/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực từ ngày 05/02/2023.

Theo đó, mức thu đăng ký thường trú là 20.000 đồng/lần đối với công dân nộp hồ sơ trực tiếp và 10.000 đồng/lần với công dân nộp hồ sơ online.

Đối với đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú cho cá nhân, hộ gia đình thì mức phí lần

lượt là 15.000 đồng/lần với công dân nộp hồ sơ trực tiếp và 7.000 đồng/lần với công dân nộp hồ sơ online.

Trường hợp đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú theo danh sách thì mức thu lần lượt là 10.000 đồng/người/lần khi nộp hồ sơ trực tiếp và 5.000 đồng/người/lần khi nộp hồ sơ online.

Ngoài ra, mức thu khi công dân tách hộ là 10.000 đồng/lần khi nộp hồ sơ trực tiếp và 5.000 đồng/lần khi nộp hồ sơ online.

## 4. Quy định về thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án

Pháp lệnh 03/2022/UBTVQH15 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân có hiệu lực từ ngày 01/02/2023 và thay thế Pháp lệnh

09/2014/UBTVQH13 .

Trong đó quy định đối với những vụ việc đã được Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý, giải quyết theo quy định tại Pháp lệnh 09/2014

nhưng đến ngày 01/02/2023 chưa kết thúc thì tiếp tục áp dụng quy định của Pháp lệnh 09/2014 để xem xét, giải quyết cho đến khi kết thúc vụ việc, trừ các nội dung sau đây thì áp dụng quy định của Pháp lệnh 03/2022/UBTVQH15 :

(1) Các quy định bảo đảm thủ tục thân thiện đối với người chưa thành niên tại khoản 1 và khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 13, khoản 3 Điều 18, điểm e khoản 3 và khoản 4 Điều 21, điểm d khoản 4 Điều 34, khoản 1 và điểm đ khoản 3 Điều 35 của Pháp lệnh 03/2022/UBTVQH15 ;

(2) Việc đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại điểm h

khoản 1 Điều 16 của Pháp lệnh 03/2022/UBTVQH15 ;

(3) Việc áp dụng biện pháp giáo dục dựa vào cộng đồng;

(4) Các quy định khác của Pháp lệnh này có lợi cho người bị đề nghị.

Đối với những vụ việc đã được Tòa án nhân dân cấp huyện giải quyết theo quy định của Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13 mà có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị thì từ ngày 01/02/2023 Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13 , trừ các nội dung quy định tại các điểm (1), (2), (3), (4) thì áp dụng quy định của Pháp lệnh 03/2022/UBTVQH15 .

## **5. Bổ sung trường hợp TCTD không phải đáp ứng tỷ lệ nợ xấu dưới 3% khi mua nợ**

Đây là điểm mới tại Thông tư 18/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước, có hiệu lực từ ngày 09/02/2023.

Cụ thể, trường hợp tổ chức tín dụng không phải đáp ứng tỷ lệ nợ xấu dưới 3% khi mua nợ gồm:

- TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện mua nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 146a Luật Các tổ chức tín dụng;

- TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện mua nợ đủ tiêu chuẩn của tổ chức tín dụng hỗ trợ theo phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 148b Luật Các tổ chức tín dụng;

- Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc mua nợ đủ tiêu chuẩn của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Các trường hợp mua nợ quy định tại điểm a(ii), a(iii) khoản 6 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN (sửa đổi tại Thông tư 18/2022/TT-NHNN ), cụ thể:

+ TCTD hỗ trợ mua lại khoản nợ đã bán cho TCTD được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi TCTD được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 6 Điều 148đ Luật Các tổ chức tín dụng;

+ TCTD nhận chuyển giao bắt buộc mua lại khoản nợ đã bán cho ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo quy định tại điểm c khoản 12 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-

NHNN (sửa đổi tại Thông tư 18/2022/TT-NHNN).

## 6. Nghị quyết 7/NQ-CP: Giảm 30% tiền thuê đất của năm 2022 do ảnh hưởng Covid-19



Theo đó, giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hằng năm do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo nội dung quy định trên.

Nghị quyết 7/NQ-CP có hiệu lực kể từ ngày 30/01/2023 và thay thế gạch đầu dòng thứ tư điểm a mục 3 phần II Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/1/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.

Giảm tiền thuê đất của năm 2022 theo Nghị quyết 11/NQ-CP

Trước đó, ngày 30/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Trong đó, việc miễn, giảm thuế, phí, lệ phí nhằm hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh như sau:

- Giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hằng năm phải ngừng sản xuất kinh doanh do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

- Trong năm 2022, các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% được giảm 2% thuế suất (còn 8%) đối với cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và giảm 20% mức tỷ lệ phần trăm khi thực hiện xuất hóa đơn đối với cơ sở kinh doanh, hộ, cá nhân kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tỷ lệ phần trăm trên doanh thu, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm



từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay theo Nghị quyết 13/2021/UBTVQH15 ngày 31/12/2021.

- Tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch

COVID-19 tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022.

- Áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu, thuế suất thuế nhập khẩu theo Nghị định 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 và các văn bản có liên quan.

- Giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021.

- Tiếp tục rà soát, giảm các loại phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

## 7. Nghị quyết 06 hỗ trợ tới 3 triệu cho người lao động mất việc, giảm giờ làm



Theo đó, việc ban hành Nghị quyết 06/NQ-ĐCT để hỗ trợ đoàn viên công đoàn và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã có đóng kinh phí công đoàn trước ngày 30/9/2022 bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động nhằm góp phần chia sẻ, giảm bớt khó khăn cho đoàn viên, người lao động.

Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam yêu cầu các cấp Công đoàn bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để xảy ra lợi dụng, trục lợi trong quá trình thực hiện; đưa ra các tiêu chí, điều kiện để đoàn viên công đoàn, người lao động thuận

lợi tiếp cận và thụ hưởng chính sách hỗ trợ của tổ chức Công đoàn; mỗi đoàn viên công đoàn, người lao động được nhận hỗ trợ một lần bằng tiền.

Trường hợp đoàn viên công đoàn, người lao động đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau theo Nghị quyết này thì chỉ được hưởng chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

Trường hợp đoàn viên công đoàn, người lao động đã được hưởng chính sách hỗ trợ ở mức thấp, sau đó chuyển thành đối tượng được hỗ trợ ở mức cao hơn thì được hưởng tiếp phần chênh lệch giữa 2 mức hỗ trợ.

Trường hợp đoàn viên công đoàn, người lao động đủ điều kiện hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này nhưng đã được hưởng hỗ trợ tương tự từ các cấp Công đoàn trước ngày Nghị quyết 06 có hiệu lực với mức thấp hơn theo Nghị quyết 06 thì được hưởng tiếp phần chênh lệch giữa 2 chính sách hỗ trợ.

Người lao động không là đoàn viên công đoàn được hưởng mức hỗ trợ bằng 70% so với

mức hỗ trợ đối với người lao động là đoàn viên công đoàn.

Người lao động không là đoàn viên công đoàn nhưng là lao động nữ từ đủ 35 tuổi trở lên, lao động nữ đang mang thai, người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 6 tuổi (chỉ hỗ trợ cho 1 người là mẹ hoặc cha hoặc người chăm sóc thay thế trẻ em) thì được hưởng mức hỗ trợ như đoàn viên công đoàn.

Đoàn viên công đoàn được hỗ trợ nhiều nhất là 3 triệu đồng.

03 nhóm lao động được nhận tiền hỗ trợ từ 1 – 3 triệu đồng

Theo Nghị quyết 06/NQ-ĐCT thì công đoàn sẽ hỗ trợ 3 nhóm lao động:

Nhóm 1 là đoàn viên công đoàn bị giảm giờ làm việc, ngừng việc

Người lao động là đoàn viên công đoàn làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị giảm thời gian làm việc hàng ngày, giảm số ngày làm việc trong tuần hoặc trong tháng (trừ trường hợp giảm thời gian làm thêm giờ) hoặc bị ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 1/10/2022 đến hết ngày 31/3/2023 mà có thu nhập của một tháng bất kỳ bằng hoặc thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP.

Người lao động được hỗ trợ một lần với mức 1 triệu đồng/người.

Nhóm 2 là đoàn viên công đoàn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương

Người lao động là đoàn viên công đoàn có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động từ 30 ngày liên tục trở lên (trừ trường hợp người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương vì lý do cá nhân), tính từ ngày 1/10/2022 đến hết ngày 31/3/2023 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 1/10/2022 đến hết ngày 31/3/2023.

Người lao động được hỗ trợ một lần với mức 2 triệu đồng/người.

Nhóm 3 là đoàn viên công đoàn chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp

Người lao động là đoàn viên công đoàn chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian từ ngày 1/10/2022 đến hết ngày 31/3/2023 (trừ trường hợp người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, bị xử lý kỷ luật sa thải, thỏa thuận nội dung thử việc ghi trong hợp đồng lao động mà thử việc không đạt yêu cầu hoặc một bên hủy bỏ thỏa thuận thử việc, hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng) nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Người lao động được hỗ trợ một lần với mức 3 triệu đồng/người.

## GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

### 1. Cách đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng năm 2023

Trường hợp nào phải đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng?

Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, nếu đi khỏi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập từ 03 tháng trở lên phải đến nơi đăng ký nghĩa vụ quân sự để đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng; khi trở về nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập trong thời hạn 10 ngày làm việc phải đăng ký lại.

Trường hợp cần phải thực hiện thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Luật Nghĩa vụ quân sự 2015:

Điều 17. Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung; khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập; tạm vắng; đăng ký miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến

...

#### 3. Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng:

Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, nếu đi khỏi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập từ 03 tháng trở lên phải đến nơi đăng ký nghĩa vụ quân sự để đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng; khi trở về nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập trong thời hạn 10 ngày làm việc phải đăng ký lại.

Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, nếu đi khỏi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập từ 03 tháng trở lên phải đến nơi đăng ký nghĩa vụ quân sự để đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng; khi trở về nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập trong thời hạn 10 ngày làm việc phải đăng ký lại.

Thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng năm 2023

Hồ sơ đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng

Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị (mang theo bản chính để đối chiếu).

Trình tự thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng

Bước 1: Công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, khi đi khỏi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập từ 03 tháng trở lên phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đã đăng ký nghĩa vụ quân sự để trực tiếp đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng. Trường hợp cơ quan, tổ chức không có Ban Chỉ huy quân sự, thì người đứng đầu hoặc người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức cho công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng tại nơi cư trú. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày trở về nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập, công dân đã đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã để trực tiếp đăng ký lại.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng; bổ sung các thông tin vào Sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ hoặc Sổ đăng ký quân nhân dự bị; lập danh sách công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng hoặc đăng ký lại cho công dân (trường hợp công dân trở về);

**2. Mức phạt nồng độ cồn khi lái xe năm 2023?**

Hiện hành, mức phạt nồng độ cồn khi lái xe được quy định tại Nghị định 100/2019/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 123/2021/NĐ-CP) cụ thể như sau:

Mức phạt nồng độ cồn năm 2023 với xe máy

Nồng độ cồn	Mức tiền	Phạt bổ sung
Chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 3 triệu đồng. (Điểm c Khoản 6 Điều 6)	Tước giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng. (Điểm đ Khoản 10 Điều 6)
Vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 4 triệu đồng đến 5 triệu đồng. (Điểm c Khoản 7 Điều 6)	Tước giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng. (Điểm e Khoản 10 Điều 6)
Vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 6 triệu đồng đến 8 triệu đồng. (Điểm e Khoản 8 Điều 6)	Tước giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng. (Điểm g Khoản 10 Điều 6)

Mức phạt nồng độ cồn năm 2023 với ô tô

Nồng độ cồn	Mức tiền	Phạt bổ sung
Chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 6 triệu đồng đến 8 triệu đồng. (Điểm c Khoản 6 Điều 5)	Tước giấy phép lái xe từ 10 tháng đến 12 tháng. (Điểm e Khoản 11 Điều 5)
Vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 16 triệu đồng đến 18 triệu đồng. (Điểm c Khoản 8 Điều 5)	Tước giấy phép lái xe từ 16 tháng đến 18 tháng. (Điểm g Khoản 11 Điều 5)
Vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng. (Điểm a Khoản 10 Điều 5)	Tước giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng. (Điểm h Khoản 11 Điều 5)

Mức phạt nồng độ cồn năm 2023 với xe đạp

Nồng độ cồn	Mức tiền	Phạt bổ sung
Chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 80 ngàn đồng đến 100 ngàn đồng. (Điểm q Khoản 1 Điều 8)	-
Vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 300 ngàn đồng đến 400 ngàn đồng. (Điểm e Khoản 3 Điều 8 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, được sửa đổi điểm k khoản 34 Điều 2 Nghị định 123/2021/NĐ-CP)	-
Vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 400 ngàn đồng đến 600 ngàn đồng. (Điểm c Khoản 4 Điều 8)	-

Mức phạt nồng độ cồn năm 2023 với máy kéo, xe máy chuyên dùng

Nồng độ cồn	Mức tiền	Phạt bổ sung
Chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 3 triệu đồng đến 5 triệu đồng. (Điểm c Khoản 6 Điều 7)	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển máy kéo), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 10 tháng đến 12 tháng. (Điểm d Khoản 10 Điều 7)
Vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 6 triệu đồng đến 8 triệu đồng. (Điểm b Khoản 7 Điều 7)	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển máy kéo), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 16 tháng đến 18 tháng. (Điểm đ Khoản 10 Điều 7)
Vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở	Phạt tiền từ 16 triệu đồng đến 18 triệu đồng. (Điểm a Khoản 9 Điều 7)	Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển máy kéo), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông

đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 22 tháng đến 24 tháng. (Điểm e Khoản 10 Điều 7)

Vi phạm nồng độ cồn có bị giữ xe không?

Tạm giữ xe (hay tạm giữ phương tiện) là một hình thức xử phạt được quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012.

Người có thẩm quyền xử phạt nồng độ cồn được phép tạm giữ phương tiện tối đa đến 07 ngày trước khi ra quyết định xử phạt đối với những hành vi vi phạm nồng độ cồn kể trên.

Như vậy, vi phạm nồng độ cồn có thể bị giữ xe đến 7 ngày.

Lưu ý: Đối với phương tiện giao thông vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tạm giữ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu tổ chức, cá nhân vi phạm có địa chỉ rõ ràng, có điều kiện bến bãi, bảo quản phương tiện hoặc khả năng tài chính đặt tiền bảo lãnh thì có thể được giữ phương tiện vi phạm dưới sự quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### 3. Cách tính tiền dưỡng sức sau sinh năm 2023



Theo Điều 13 Thông tư 59/2015/TT-BHXH và quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định 115/2015/NĐ-CP và Điều 41 Luật Bảo hiểm xã hội 2014, điều kiện hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau sinh như sau:

- Là đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản.
- Lao động nữ sinh con hoặc lao động nữ mang thai hộ.

Sau khi hưởng chế độ nghỉ thai sản, trong 30 ngày đầu làm việc mà sức khỏe chưa hồi phục thì lao động nữ mang thai, lao động nữ mang thai hộ

được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 05 ngày đến 10 ngày.

Số ngày nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do người sử dụng lao động và Ban Chấp hành công đoàn cơ sở quyết định, trường hợp đơn vị sử dụng lao động chưa thành lập công đoàn cơ sở thì do người sử dụng lao động quyết định.

Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe được quy định như sau:

- Tối đa 10 ngày đối với lao động nữ sinh một lần từ hai con trở lên;
- Tối đa 07 ngày đối với lao động nữ sinh con phải phẫu thuật;
- Tối đa 05 ngày đối với các trường hợp khác.

Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe bao gồm cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần. Trường hợp có thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ cuối năm trước chuyển tiếp sang đầu năm sau thì thời gian nghỉ đó được tính cho năm trước.

Cách tính tiền dưỡng sức sau sinh năm 2023

Theo Thông tư 59/2015/TT-BHXH, mức hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản một ngày bằng 30% mức lương cơ sở.

Số tiền hưởng dưỡng sức sau sinh sẽ được tính theo công thức:

Tiền dưỡng sức sau sinh = 30% (x) Mức lương cơ sở (x) số ngày được phép nghỉ

(Mức lương cơ sở 2023 áp dụng như sau: Từ ngày 01/01 – 30/6/2023 là 1,49 triệu đồng/tháng; Từ ngày 01/7 – 31/12/2023 là 1,8 triệu đồng/tháng).

Ví dụ: Lao động nữ sinh con và nghỉ dưỡng sức sau ngày 01/7/2023, có tổng số ngày nghỉ dưỡng sức là 05 ngày, thì tiền dưỡng sức sau sinh được tính như sau:

Tiền dưỡng sức sau sinh = 5 x 30% x 1.800.000 = 2.700.000 (đồng).

Tiền dưỡng sức sau sinh năm 2023 bao lâu thì nhận được?

Theo Điều 103 Luật Bảo hiểm xã hội 2014, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày người lao động đủ điều kiện hưởng chế độ dưỡng sức sau sinh, người sử dụng lao động phải lập, hồ sơ nộp cho cơ quan BHXH.

Về thời gian giải quyết việc chi trả chế độ dưỡng sức sau thai sản được quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, BHTN ban hành kèm theo Quyết định 166/QĐ-BHXH năm 2019:

Trường hợp đơn vị sử dụng lao động đề nghị: Tối đa 06 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Cần làm gì để nhận tiền dưỡng sức sau sinh năm 2023?

Theo điểm 2.4 khoản 2 Điều 4 Quyết định 166/QĐ-BHXH, hồ sơ để cơ quan BHXH giải quyết chế độ dưỡng sức sau sinh cho người lao động là danh sách đề nghị giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe do đơn vị sử dụng lao động lập.

Như vậy, người lao động muốn nghỉ dưỡng sức sau sinh thì phải được sự đồng ý của người sử dụng lao động.

Người sử dụng lao động sẽ tiến hành lập hồ sơ hưởng chế độ cho người lao động gửi cơ quan bảo hiểm xã hội.

## 4. Như thế nào là hành vi bạo lực gia đình theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022



Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022 ngày 14/11/2022 có hiệu lực từ ngày 01/7/2023.

Theo đó, các hành vi bị xem là bạo lực gia đình được quy định như sau:

1. Bạo lực gia đình được hiểu thế nào?

Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

(Khoản 1 Điều 2 Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2022)

2. 16 hành vi bạo lực gia đình theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022

Căn cứ Điều 3 Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2022 quy định hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

(1) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;

(2) Lãng mạ, chì chiết hoặc hành vi cô ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

(3) Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý; (Nội dung mới bổ sung)

(4) Bỏ mặc, không quan tâm;

Không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc;

Không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;

(Nội dung mới bổ sung)

(5) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;

(Nội dung mới bổ sung)

(6) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

(7) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;

(8) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

(Nội dung mới bổ sung)

(9) Cường ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng,

(Tại Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007 quy định cưỡng ép quan hệ tình dục là hành vi bạo lực gia đình)

(10) Cường ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội

dung khiêu dâm, kích thích bạo lực (Nội dung mới bổ sung)

(11) Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;

(12) Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi; (Nội dung mới bổ sung)

(13) Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;

(14) Cường ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ;

Kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;

(15) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình; (Nội dung mới bổ sung)

(16) Cường ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.

Lưu ý: Hành vi nêu trên được thực hiện giữa người đã ly hôn; người chung sống như vợ chồng; người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau cũng được xác định là hành vi bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

### 3. Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình

Tại Điều 4 Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2022 quy định về nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình như sau:

- Phòng ngừa là chính, lấy người bị bạo lực gia đình là trung tâm.

- Tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có liên quan; bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em; ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình là phụ nữ mang thai, phụ



nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; thực hiện bình đẳng giới.

- Chú trọng hoạt động tuyên truyền, giáo dục, tư vấn, hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình.

- Hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình phải được kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người bị bạo lực gia đình là trẻ em thì trong quá trình xử lý phải có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc người được giao làm công tác bảo vệ trẻ em.

- Nâng cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và người đứng đầu; chú trọng phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

- Thực hiện trách nhiệm nêu gương trong phòng, chống bạo lực gia đình đối với cán bộ, công chức, viên chức và người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân.

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022 có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 thay thế Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2007.

## 5. Giảm trừ gia cảnh là gì? Mức giảm trừ gia cảnh năm 2023?



### 1. Giảm trừ gia cảnh là gì?

Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân, giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú.

Việc xác định mức giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc thực hiện theo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế.

### 2. Mức giảm trừ gia cảnh năm 2023

Giảm trừ gia cảnh gồm: giảm trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế và giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc.

Mức giảm trừ gia cảnh năm 2023 được thực hiện theo Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14, như sau:

- Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm);

- Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng.

### 3. Xác định người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh

Theo Luật Thuế thu nhập cá nhân, người phụ thuộc là người mà đối tượng nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, bao gồm:

- Con chưa thành niên; con bị tàn tật, không có khả năng lao động;

- Các cá nhân không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức quy định, bao gồm con thành niên đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề; vợ hoặc chồng không có khả năng lao động; bố, mẹ đã hết tuổi lao động hoặc không có khả năng lao động; những người khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng.

Để xác định người phụ thuộc nhằm xét giảm trừ gia cảnh được hướng dẫn tại Thông tư 111/2013/TT-BTC như sau:

3.1. Người phụ thuộc là con của người nộp thuế

Theo đó, người phụ thuộc là con của người nộp thuế gồm con đẻ, con nuôi hợp pháp, con ngoài giá thú, con riêng của vợ, con riêng của chồng, cụ thể:

- Con dưới 18 tuổi (tính đủ theo tháng).
- Con từ 18 tuổi trở lên bị khuyết tật, không có khả năng lao động.
- Con đang theo học tại Việt Nam hoặc nước ngoài tại bậc học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, kể cả con từ 18 tuổi trở lên đang học bậc học phổ thông (tính cả trong thời gian chờ kết quả thi đại học từ tháng 6 đến tháng 9 năm lớp 12) không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

3.2. Người phụ thuộc khác của người nộp thuế

- Vợ hoặc chồng của người nộp thuế đáp ứng điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

- Cha đẻ, mẹ đẻ; cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng); cha dượng, mẹ kế; cha nuôi, mẹ nuôi hợp pháp của người nộp thuế đáp ứng điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

- Các cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng và đáp ứng điều kiện tại điểm đ, khoản 1, Điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC bao gồm:

+ Anh ruột, chị ruột, em ruột của người nộp thuế.

+ Ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột của người nộp thuế.

+ Cháu ruột của người nộp thuế bao gồm: con của anh ruột, chị ruột, em ruột.

+ Người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật.

3.3. Điều kiện để được tính là người phụ thuộc

Cá nhân được tính là người phụ thuộc theo hướng dẫn tại mục 2.2 phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đối với người trong độ tuổi lao động phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

+ Bị khuyết tật, không có khả năng lao động.

Trong đó, người khuyết tật, không có khả năng lao động là những người thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về người khuyết tật, người mắc bệnh không có khả năng lao động (như bệnh AIDS, ung thư, suy thận mãn,...).

+ Không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

- Đối với người ngoài độ tuổi lao động phải không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng.

4. Mẫu Tờ khai đăng ký người phụ thuộc để được giảm trừ gia cảnh

Theo khoản 10 Điều 7 Thông tư 105/2020/TT-BTC, đối với người phụ thuộc theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư này nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu như sau:

- Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho người phụ thuộc thì nộp hồ sơ đăng ký thuế tại cơ quan chi trả thu nhập.

Hồ sơ đăng ký thuế của người phụ thuộc gồm: Văn bản ủy quyền và giấy tờ của người phụ thuộc (bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; bản sao Giấy khai sinh hoặc bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi; bản sao Hộ chiếu đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài).

Cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp và gửi Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TH-TCT ban hành kèm theo Thông tư 105/2020/TT-BTC gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp cơ quan chi trả thu nhập.

- Trường hợp cá nhân không ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký thuế cho người phụ thuộc, nộp hồ sơ đăng ký thuế cho cơ quan thuế tương ứng theo quy định tại

Khoản 9 Điều 7 Thông tư 105/2020/TT-BTC. Hồ sơ đăng ký thuế gồm:

- Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 20-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư 105/2020/TT-BTC;

- Bản sao Thẻ căn cước công dân hoặc bản sao Giấy chứng minh nhân dân còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên; bản sao Giấy khai sinh hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc có quốc tịch Việt Nam dưới 14 tuổi; bản sao Hộ chiếu còn hiệu lực đối với người phụ thuộc là người có quốc tịch nước ngoài hoặc người có quốc tịch Việt Nam sinh sống tại nước ngoài.

Trường hợp cá nhân thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân đã nộp hồ sơ đăng ký người phụ thuộc để giảm trừ gia cảnh trước thời điểm Thông tư 95/2016/TT-BTC có hiệu lực nhưng chưa đăng ký thuế cho người phụ thuộc thì nộp hồ sơ đăng ký thuế nêu trên để được cấp mã số thuế cho người phụ thuộc.

## 6. Tham nhũng trong doanh nghiệp là gì? Biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp



1. Tham nhũng trong doanh nghiệp là gì?

Tại Mục I Công văn 8387/BCT-TTB năm 2022 giải thích tham nhũng trong doanh nghiệp như sau:

Tham nhũng trong doanh nghiệp là các hành vi được thực hiện do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp bao gồm:

- Tham ô tài sản;
- Nhận hối lộ;
- Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi.

Ngoài ra, đặc điểm của tham nhũng trong doanh nghiệp là người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp lợi dụng chức vụ, quyền hạn và nhiệm vụ được giao của mình để vụ lợi cá nhân, làm thiệt hại và đe dọa đến quyền, lợi ích của doanh nghiệp mình.

2. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp

Tại Mục II Công văn 8387/BCT-TTB năm 2022 quy định các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp như sau:

(1) Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng theo quy định tại Điều 78, Điều 79 Luật Phòng, chống tham nhũng.

- Căn cứ vào quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và luật khác có liên quan, Doanh nghiệp ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với người lao động trong doanh nghiệp.

- Ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích, ngăn chặn hành vi tham nhũng và xây dựng văn hoá kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng.

(2) Thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 9, các điểm a, c và d khoản 1 Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 80 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 53 Nghị định 59/2019/NĐ-CP.

- Căn cứ vào đặc thù trong tổ chức, hoạt động, Doanh nghiệp có trách nhiệm quy định cụ thể hình thức công khai, nội dung công khai, trách nhiệm thực hiện việc công khai minh bạch trong doanh nghiệp mình.

- Về nội dung công khai:

Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, thành viên;

Chế độ lương, thưởng;

Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và các chế độ phúc lợi xã hội khác; quy tắc ứng xử, điều lệ doanh nghiệp;

Công tác tổ chức, bố trí nhân sự và các nội dung khác phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật có liên quan.

Thực hiện công bố thông tin theo quy định Nghị định 47/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.

(3) Thực hiện việc kiểm soát xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 23, Điều 80 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 54 Nghị định 59/2019/NĐ-CP

- Quy định cụ thể các trường hợp xung đột lợi ích, trách nhiệm thông tin, báo cáo về các trường hợp xung đột lợi ích và công khai, phổ biến, tập huấn cho toàn thể người lao động, thành viên của doanh nghiệp.

- Quy định cụ thể việc tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích trong doanh nghiệp, bao gồm việc giám sát và áp dụng các biện pháp phù hợp khác theo thẩm quyền để kiểm soát xung đột lợi ích.

- Có biện pháp bảo vệ kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động đã thông tin, báo cáo về xung đột lợi ích trong doanh nghiệp khi bị thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại.

- Báo cáo cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp xung đột lợi ích dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật cần phải ngăn chặn, xử lý kịp thời.

- Quy định cụ thể trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong đơn vị, tổ chức do mình quản lý.

- Quy định cụ thể hình thức xử lý trách nhiệm, các trường hợp được xem xét loại trừ, miễn, giảm hoặc bị tăng trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong đơn vị, tổ chức do mình quản lý.

- Quy định cụ thể trình tự, thủ tục xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong đơn vị, tổ chức do mình quản lý.

Xem chi tiết tại Công văn 8387/BCT-TTB ban hành ngày 27/12/2022.

**ĐIỂM TIN HOẠT ĐỘNG**



Tôi thấy lực lượng công an một phường ở Hà Nội lập chốt ngay trước cổng trụ sở, trong ngõ nhỏ để xử lý vi phạm giao thông. Quá trình xử phạt chỉ thấy hai đến ba cán bộ công an phường, không thấy cảnh sát giao thông. Khi phát hiện người vi phạm, công an phường yêu cầu dừng xe và mời vào trong trụ sở để làm việc.

Vậy theo quy định, công an phường có được quyền xử lý người vi phạm giao thông không? Nếu được thì xử phạt những lỗi gì?

Bạn đọc Hoàng Long hỏi.

**Luật sư Phan Thị Phương Thúy - Công ty Luật TNHH NTB Legal (Đoàn luật sư Hà Nội) trả lời:**



Căn cứ điều 11 thông tư số 12/2010, công an xã, phường có trách nhiệm tham mưu cho UBND cùng cấp có kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

Bên cạnh đó, công an xã, phường tham gia phối hợp với lực lượng cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn xã, phường.

Việc tham gia phối hợp với lực lượng cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phải theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của công an cấp trên.

Điều 3 nghị định số 27/2010 quy định, việc huy động các lực lượng cảnh sát khác và công an xã, phường phối hợp với cảnh sát giao thông đường bộ tham gia tuần tra, kiểm soát trật tự, an toàn giao thông đường bộ chỉ thực hiện trong những trường hợp cần thiết và do

người có thẩm quyền quyết định bằng văn bản. Các trường hợp cần thiết gồm:

Trong thời gian diễn ra các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện chính trị - xã hội, hoạt động văn hóa, thể thao lớn của Nhà nước và địa phương.

Các đợt cao điểm đảm bảo trật tự, an toàn giao thông theo chỉ đạo của Bộ Công an, Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội hoặc của giám đốc công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Khi tình hình vi phạm trật tự, an toàn giao thông, tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông có diễn biến phức tạp...

Trường hợp không có cảnh sát giao thông đi cùng thì lực lượng cảnh sát khác và công an xã, phường thực hiện việc tuần tra, kiểm soát theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Công an xã, phường được phép độc lập tuần tra, kiểm soát giao thông nhưng phải tuân theo kế hoạch và quyết định của công an cấp trên đã ban hành trước đó, không được tự tổ chức tuần tra, xử lý.

Công an xã, phường chỉ được tuần tra, kiểm soát trên các tuyến đường liên xã, liên

thôn... thuộc địa bàn quản lý và xử lý các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông. Nghiêm cấm việc công an xã dừng xe, kiểm soát trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.

Công an xã, phường được quyền xử lý các hành vi: điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm, chở quá số người quy định, chở hàng hóa cồng kềnh, đỗ xe ở lòng đường trái quy định. Điều khiển phương tiện phóng nhanh, lạng lách, đánh võng, các hành vi vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ...

Khi xử lý vi phạm, chiến sĩ công an nhân dân đang làm nhiệm vụ có quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 500.000 đồng với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt.

Trưởng công an phường có thẩm quyền xử phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 2,5 triệu đồng, tịch thu tang vật, phương tiện có giá trị không vượt quá 5 triệu đồng.

*Theo bài viết của tác giả: Danh Trọng./.*

*(Tham khảo bài viết tại link:*

<https://tuoitre.vn/cong-an-phuong-co-duoc-dung-xe-xu-phat-vi-pham-giao-thong-khong-20230201151348022.htm>

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 02/2023**

STT	TÊN VĂN BẢN	NGÀY
<b>NGHỊ QUYẾT</b>		
1	Nghị quyết 82/2023/QH15 về điều chỉnh kế hoạch vốn vay lại năm 2022 của các địa phương, bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2021 nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, điều chỉnh dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động chưa sử dụng hết năm 2021 của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan, chuyển nguồn kinh phí công tác phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 của các địa phương sang niên độ ngân sách năm 2022 do Quốc hội ban hành	BH: 11/01/2023 HL: 25/02/2023
<b>NGHỊ ĐỊNH</b>		
1	Nghị định 128/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực văn hóa và quảng cáo đã được sửa đổi bởi Nghị định 129/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo	BH: 09/01/2023 HL: 23/02/2023
2	Nghị định 01/2023/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	BH: 16/01/2022 HL: 20/02/2023
<b>THÔNG TƯ</b>		
1	Thông tư 75/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 22/12/2022 HL: 05/02/2023
2	Thông tư 76/2022/TT-BTC sửa đổi Thông tư 111/2020/TT-BTC hướng dẫn về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 22/12/2022 HL: 06/02/2023
3	Thông tư 19/2022/TT-BGDĐT về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	BH: 22/12/2022 HL: 06/02/2023
4	Thông tư 19/2022/TT-BTNMT về định mức kinh tế - kỹ thuật công tác địa vật lý do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	BH: 19/12/2022 HL: 06/02/2023
5	Thông tư 20/2022/TT-BTNMT về Định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc tài nguyên đất do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	BH: 19/12/2022 HL: 06/02/2023
6	Thông tư 21/2022/TT-BTNMT quy định danh mục và thời hạn định	BH: 19/12/2022

	kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại chính quyền địa phương do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	HL: 06/02/2023
7	Thông tư 18/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 26/12/2022 HL: 09/02/2023
8	Thông tư 78/2022/TT-BTC quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 26/12/2022 HL: 09/02/2023
9	Thông tư 36/2022/TT-BCT về Bộ định mức dự toán chuyên ngành lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	BH: 22/12/2022 HL: 10/02/2023
10	Thông tư 35/2022/TT-BCT bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành	BH: 21/12/2022 HL: 10/02/2023
11	Thông tư 21/2022/TT-BGDĐT về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	BH: 28/12/2022 HL: 12/02/2023
12	Thông tư 22/2022/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	BH: 28/12/2022 HL: 12/02/2023
13	Thông tư 30/2022/TT-BLĐTBXH quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	BH: 28/12/2022 HL: 13/02/2023
14	Thông tư 104/2022/TT-BQP sửa đổi Thông tư 08/2017/TT-BQP quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, đã được sửa đổi tại Thông tư 137/2021/TT-BQP	BH: 27/12/2022 HL: 13/02/2023
15	Thông tư 23/2022/TT-BGDĐT về Điều lệ trường cao đẳng sư phạm do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 14/02/2023
16	Thông tư 23/2022/TT-BTNMT sửa đổi Thông tư 28/2019/TT-BTNMT quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	BH: 26/12/2022 HL: 14/02/2023
17	Thông tư 15/2022/TT-BVHTTDL hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ,	BH: 20/12/2022



	quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	HL: 14/02/2023
18	Thông tư 18/2022/TT-BYT sửa đổi Thông tư 56/2017/TT-BYT hướng dẫn Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	BH: 31/12/2022 HL: 15/02/2023
19	Thông tư 13/2022/TT-BNV hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	BH: 31/12/2022 HL: 15/02/2023
20	Thông tư 19/2022/TT-BYT hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Y tế	BH: 31/12/2022 HL: 15/02/2023
21	Thông tư 25/2022/TT-BTTTT quy định việc xác định nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	BH: 31/12/2022 HL: 15/02/2023
22	Thông tư 14/2022/TT-BNV hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực lưu trữ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	BH: 31/12/2022 HL: 15/02/2023
23	Thông tư 25/2022/TT-BNNPTNT quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
24	Thông tư 18/2022/TT-BKHHCN hướng dẫn nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
25	Thông tư 12/2022/TT-BNV hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
26	Thông tư 24/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
27	Thông tư 06/2022/TT-UBDT quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
28	Thông tư 25/2022/TT-NHNN quy định chế độ kế toán giao nhận, điều chuyển, phát hành, thu hồi và tiêu hủy tiền mặt tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
29	Thông tư 17/2022/TT-BYT quy định nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh tâm thần của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Bộ trưởng Bộ	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023

	Y tế ban hành	
30	Thông tư 05/2022/TT-UBND quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
31	Thông tư 82/2022/TT-BTC quy định nội dung và mức chi từ ngân sách Nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
32	Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
33	Thông tư 32/2022/TT-BNNPTNT sửa đổi Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
34	Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
35	Thông tư 67/2022/TT-BCA sửa đổi Thông tư 46/2014/TT-BCA hướng dẫn Nghị định 06/2013/NĐ-CP quy định về bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
36	Thông tư 23/2022/TT-NHNN sửa đổi một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật để phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
37	Thông tư 11/2022/TT-BNV hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
38	Thông tư 20/2022/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động chuyển tiền một chiều từ Việt Nam ra nước ngoài và thanh toán, chuyển tiền cho giao dịch vắng lai khác của người cư trú là tổ chức, cá nhân do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 15/02/2023
39	Thông tư 22/2022/TT-BNNPTNT về Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và quy hoạch đê điều do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	BH: 29/12/2022 HL: 15/02/2023
40	Thông tư 17/2022/TT-BVHTTDL quy định các mẫu văn bản trong hoạt động điện ảnh do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	BH: 27/12/2022 HL: 15/02/2023
41	Thông tư 16/2022/TT-BVHTTDL Quy định chế độ báo cáo thống kê của ngành văn hóa, thể thao và du lịch do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	BH: 22/12/2022 HL: 15/02/2023
42	Thông tư 10/2022/TT-BNV Quy định thời hạn bảo quản tài liệu do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành	BH: 19/12/2022 HL: 15/02/2023

43	Thông tư 31/2022/TT-BGTVT hướng dẫn giá dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên, thực hiện theo phương thức đặt hàng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành	BH: 07/12/2022 HL: 15/02/2023
44	Thông tư 17/2022/TT-BTNMT quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành	BH: 15/11/2022 HL: 15/02/2023
45	Thông tư 80/2022/TT-BTC hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 16/02/2023
46	Thông tư 39/2022/TT-BCT sửa đổi Thông tư 25/2016/TT-BCT quy định hệ thống điện truyền tải, Thông tư 39/2015/TT-BCT quy định hệ thống điện phân phối và Thông tư 30/2019/TT-BCT sửa đổi Thông tư 25/2016/TT-BCT quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư 39/2015/TT-BCT quy định hệ thống điện phân phối do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 16/02/2023
47	Thông tư 42/2022/TT-BCT quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 16/02/2023
47	Thông tư 105/2022/TT-BQP hướng dẫn thực hiện Nghị định 162/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam, Nghị định 23/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 162/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam và Nghị định 37/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành	BH: 29/12/2022 HL: 16/02/2023
48	Thông tư 16/2022/TT-BYT về danh mục loài, chủng loại dược liệu quý, hiếm và đặc hữu phải kiểm soát do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành	BH: 30/12/2022 HL: 18/02/2023
49	Thông tư 02/2023/TT-BTC sửa đổi Thông tư 18/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 06/01/2023 HL: 20/02/2023
50	Thông tư 01/2023/TT-BTC bãi bỏ Thông tư liên tịch 145/2014/TTLT-BTC-BTTTT quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án thông tin, tuyên truyền về số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 04/01/2023 HL: 20/02/2023
51	Thông tư 19/2022/TT-BVHTTDL quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định kịch bản phim sử dụng ngân sách nhà nước	BH: 30/12/2022 HL: 20/02/2023

	do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành	
52	Thông tư 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành	BH: 10/01/2023 HL: 26/02/2023
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>		
1	Quyết định 374/QĐ-BNN-TCLN năm 2023 công bố thủ tục hành chính mới; được sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	BH: 19/01/2023 HL: 15/02/2023
2	Quyết định 372/QĐ-BNN-TY năm 2023 công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	BH: 19/01/2023 HL: 15/02/2023
3	Quyết định 99/QĐ-NHNN năm 2023 công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động ngoại hối thực hiện tại Bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	BH: 18/01/2023 HL: 15/02/2023
4	Quyết định 01/2023/QĐ-KTNN về Hệ thống mẫu biểu hồ sơ kiểm toán do Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành	BH: 10/01/2023 HL: 24/02/2023